

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA,
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3622/QĐ-ĐHM ngày 04 / 10 /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội)

A. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Education Objective)

I.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành của Trường Đại học Mở Hà Nội nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo bậc cử nhân; có trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng đổi mới, sáng tạo trong môi trường làm việc ngành du lịch, lữ hành, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

I.2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Mở Hà Nội đào tạo người học tốt nghiệp Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành:

MT1. Có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc;

MT2. Có các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng số và Tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hoá;

MT3. Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, không ngừng học tập và sáng tạo phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Trường Đại học Mở Hà Nội có khả năng:

CĐR 1. Vận dụng kiến thức chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành;

CĐR 2. Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành;

CĐR 3. Đưa ra nhận định về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành trên cơ sở xem xét những khác biệt về văn hoá, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;

CĐR 4. Vận dụng các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và lữ hành, trong học tập và hợp tác để tạo ra những thay đổi tích cực cho cá nhân và cho nhóm tương tác;

CDR 5. Vận dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và
lữ hành, trong học tập, nghiên cứu, hợp tác và hội nhập;

CDR 6. Vận dụng các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững ở phạm vi địa
phương, quốc gia và quốc tế.

Handwritten signature or mark in blue ink.

III. QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU CỤ THỂ VỚI TẦM NHÌN, SỨ MẠNG CỦA TRƯỜNG

| Mục tiêu cụ thể: Đào tạo người học: | Tầm nhìn: Trường Đại học Mở Hà Nội trở thành đại học hàng đầu về giáo dục, đào tạo mở, từ xa trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực và tiệm cận thế giới; là nòng cốt trong xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời | Sứ mạng: Mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng với nhiều loại hình, chú trọng giáo dục từ xa, đa ngành, đa trình độ, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| MT1. Có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc | X | X |
| MT2. Có các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng số và Tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hoá | X | X |
| MT3. Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, không ngừng học tập và sáng tạo phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập. | X | X |

IV. QUAN HỆ GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VỚI MỤC TIÊU CTĐT

| <p style="text-align: center;">Mục tiêu cụ thể:</p> <p>Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng:</p> | <p>MT1. Có trình độ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc</p> | <p>MT2. Có các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng số và Tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hoá</p> | <p>MT3. Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, không ngừng học tập và sáng tạo phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập.</p> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>CĐR 1. Vận dụng kiến thức chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực du lịch và lễ hành</p> | X | X | |
| <p>CĐR 2. Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lễ hành</p> | X | X | |
| <p>CĐR 3. Đưa ra nhận định về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lễ hành trên cơ sở xem xét những khác biệt về văn hoá, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội</p> | X | X | X |
| <p>CĐR 4. Vận dụng các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và lễ hành, trong học tập và hợp tác để tạo ra những thay đổi tích cực cho cá nhân và cho nhóm tương tác</p> | | X | X |
| <p>CĐR 5. Vận dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và lễ hành, trong học tập, nghiên cứu, hợp tác và hội nhập</p> | | X | |
| <p>CĐR 6. Vận dụng các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững ở phạm vi địa phương, quốc gia và quốc tế</p> | | X | X |

V. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia (TĐQG) Việt Nam (Quyết định 1982) trình độ đại học (bậc 6)

| Khung TĐQG bậc 6 | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------|------|------|---------|------|------|------|------|------|---------------------------|---------|---------|---------|---|
| | KT 1 | KT 2 | KT 3 | KT 4 | KT 5 | KN 1 | KN 2 | KN 3 | KN 4 | KN 5 | KN 6 | TC&TN 1 | TC&TN 2 | TC&TN 3 | TC&TN 4 | |
| Chuẩn đầu ra CTĐT: Người học tốt nghiệp có khả năng: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| CĐR 1. Vận dụng kiến thức chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành | | X | X | X | X | | | | | | | | | | | X |
| CĐR 2. Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành | | | | | | X | X | X | X | X | | X | X | | | X |
| CĐR 3. Đưa ra nhận định về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực du lịch và lữ hành trên cơ sở xem xét những khác biệt về văn hoá, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội | | | | | | X | | X | X | X | | | | X | | |
| CĐR 4. Vận dụng các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và lữ hành, trong học tập và hợp tác để tạo ra những thay đổi tích cực cho cá nhân và cho nhóm tương tác | | | X | | | X | | | | X | | X | | | | |
| CĐR 5. Vận dụng tiếng Anh trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực du lịch và lữ hành, trong học tập, nghiên cứu, hợp tác và hội nhập | | | | | | | | | | X | X | | | | | |
| CĐR 6. Vận dụng các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững ở phạm vi địa phương, quốc gia và quốc tế | | X | | | | | | X | | X | | X | X | | | X |

B. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

| | |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): | Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành |
| 2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): | Tourism and Travel Service Management |
| 3. Trình độ đào tạo: | Đại học |
| 4. Mã ngành đào tạo: | 7810103 |
| 5. Đối tượng tuyển sinh: | Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Mở Hà Nội |
| 6. Hình thức đào tạo: | Tất cả các hình thức đào tạo |
| 7. Số tín chỉ yêu cầu: | 120 |
| 8. Thời gian đào tạo: | 04 năm |
| 9. Thang điểm: | 4 |
| 10. Điều kiện tốt nghiệp: | - Hoàn thành chương trình đào tạo - Các yêu cầu khác theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mở Hà Nội |
| 11. Văn bằng tốt nghiệp: | Cử nhân |
| 12. Vị trí việc làm: | Người học tốt nghiệp trình độ đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm thuộc ngành Du lịch, Lữ hành và liên quan |
| 13. Khả năng nâng cao trình độ: | Người học tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành sẽ có đủ kiến thức và điều kiện để tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn trong lĩnh vực Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành và các lĩnh vực liên quan tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước |
| 14. Chương trình đào tạo tham khảo: | Chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Trường Đại học Thương mại Chương trình đào tạo ngành Quản trị ngành Du lịch, Trường Đại học Hawaii - (Manoa) |

Handwritten mark/signature

II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

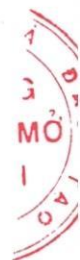
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH Mã ngành: 7810103

| TT | Tên học phần | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Loại học phần | | |
|------------|---------------------------------------------|----------------|------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | | | | Bắt buộc | Tự chọn theo định hướng | Tự chọn tự do |
| I | KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG | | 42 | | | |
| I.1 | Giáo dục đại cương | | 25 | | | |
| | Học phần bắt buộc | | 16 | | | |
| 1 | Triết học Mác-Lênin | K1.GĐĐC | 3 | X | | |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | K1.GĐĐC | 2 | X | | |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | K1.GĐĐC | 2 | X | | |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | K1.GĐĐC | 2 | X | | |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | K1.GĐĐC | 2 | X | | |
| 6 | Tin học đại cương | K1.GĐĐC | 3 | X | | |
| 7 | Pháp luật đại cương | K1.GĐĐC | 2 | X | | |
| | Học phần tự chọn | | 9 | | | |
| | Nhóm 1 (chọn 1 học phần) | | 3 | | | |
| 8 | Tiếng Anh cơ bản 1 | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| 9 | English for tourism 1 (Tiếng Anh du lịch 1) | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| | Nhóm 2 (chọn 1 học phần) | | 3 | | | |
| 10 | Tiếng Anh cơ bản 2 | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| 11 | English for tourism 2 (Tiếng Anh du lịch 2) | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| | Nhóm 3 (chọn 1 học phần) | | 3 | | | |
| 12 | Tiếng Anh cơ bản 3 | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| 13 | English for tourism 3 (Tiếng Anh du lịch 3) | K1.GĐĐC | 3 | | X | |
| I.2 | Khoa học cơ bản/Khoa học xã hội | | 8 | | | |
| 14 | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | K2.KHXH | 2 | X | | |
| 15 | Lịch sử Việt Nam | K2.KHXH | 2 | X | | |
| 16 | Lịch sử văn minh thế giới | K2.KHXH | 2 | X | | |



12

| TT | Tên học phần | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Loại học phần | | |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | | | | Bắt buộc | Tự chọn theo định hướng | Tự chọn tự do |
| 17 | Dân tộc học | K2.KHXH | 2 | X | | |
| I.3 | Kỹ năng mềm/Bổ trợ khác | | 9 | | | |
| 18 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | K3.KN/BT | 2 | X | | |
| 19 | Kỹ năng mềm | K3.KN/BT | 2 | X | | |
| 20 | English for tourism 4 (Tiếng Anh du lịch 4) | K3.KN/BT | 3 | X | | |
| 21 | English for tourism 5 (Tiếng Anh du lịch 5) | K3.KN/BT | 2 | X | | |
| II | KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH | | 23 | | | |
| II.1 | Cơ sở nhóm ngành | | 12 | | | |
| 22 | Kinh tế học | K4.CSNN | 3 | X | | |
| 23 | Quản trị học | K4.CSNN | 2 | X | | |
| 24 | Quản trị nhân lực | K4.CSNN | 2 | X | | |
| 25 | Quản trị tài chính | K4.CSNN | 3 | X | | |
| 26 | Tiền tệ và thanh toán quốc tế | K4.CSNN | 2 | X | | |
| II.2 | Cơ sở ngành | | 11 | | | |
| 27 | Địa lý du lịch Việt Nam | K5.CSN | 2 | X | | |
| 28 | Tổng quan du lịch | K5.CSN | 3 | X | | |
| 29 | Du lịch có trách nhiệm | K5.CSN | 2 | X | | |
| 30 | Tâm lý khách du lịch | K5.CSN | 2 | X | | |
| 31 | Giao lưu văn hóa quốc tế | K5.CSN | 2 | X | | |
| III | KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | 49 | | | |
| III.1 | Chuyên ngành | | 40 | | | |
| | Học phần bắt buộc | | 34 | | | |
| 32 | Marketing trong kinh doanh du lịch | K6.CN | 3 | X | | |
| 33 | Thương mại điện tử trong du lịch | K6.CN | 2 | X | | |
| 34 | Khởi nghiệp kinh doanh | K6.CN | 2 | X | | |
| 35 | Tin học chuyên ngành | K6.CN | 2 | X | | |
| 36 | Specialized English for tour guides (Tiếng Anh chuyên ngành hướng dẫn du lịch 1) | K6.CN | 2 | X | | |



Handwritten signature or mark.

| TT | Tên học phần | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Loại học phần | | |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | | | | Bắt buộc | Tự chọn theo định hướng | Tự chọn tự do |
| 37 | Specialized English for tour guides (Tiếng Anh chuyên ngành hướng dẫn du lịch 2) | K6.CN | 2 | X | | |
| 38 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm | K6.CN | 4 | X | | |
| 39 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | K6.CN | 3 | X | | |
| 40 | Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (STT) | K6.CN | 3 | X | | |
| 41 | Quản trị kinh doanh lữ hành | K6.CN | 3 | X | | |
| 42 | Nghiệp vụ điều hành du lịch | K6.CN | 3 | X | | |
| 43 | Quản lý bán hàng trong du lịch *** | K6.CN | 3 | X | | |
| 44 | Quản lý chất lượng dịch vụ *** | K6.CN | 2 | X | | |
| | Học phần tự chọn | | 6 | | | |
| | <i>Nhóm 1 (chọn 1 học phần)</i> | | 3 | | | |
| 45 | Du lịch cộng đồng | K6.CN | 3 | | X | |
| 46 | Du lịch tâm linh | K6.CN | 3 | | X | |
| 47 | Du lịch di sản*** | K6.CN | 3 | | X | |
| 48 | Chuyên đề 1 | K6.CN | 3 | | X | |
| | <i>Nhóm 2 (chọn 1 học phần)</i> | | 3 | | | |
| 49 | Quản lý tổ chức sự kiện | K6.CN | 3 | | X | |
| 50 | Quản lý điểm đến du lịch | K6.CN | 3 | | X | |
| 51 | Quản lý khu nghỉ dưỡng*** | K6.CN | 3 | | X | |
| 52 | Chuyên đề 2 | K6.CN | 3 | | X | |
| III.2 | Kiến tập/Thực tập/Trải nghiệm | | 9 | | | |
| 53 | Thực tập nghề nghiệp 1 | K7.TT | 5 | X | | |
| 54 | Thực tập nghề nghiệp 2 | K7.TT | 4 | X | | |
| IV | TỐT NGHIỆP | | 6 | | | |
| 55 | Khóa luận tốt nghiệp | K8.TN | 6 | X | | |
| TỔNG CỘNG | | | 120 | | | |